TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 660/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 12 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 425/2019/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Di Thị Mỹ Tiên, sinh năm 1965. (Xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Lê Thành Ph, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng trú tại ấp Vĩnh L, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Di Thị Mỹ T trình bày: Bà và ông Ph chung sống từ năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD vào năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 1993 thì cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên bà T đã bỏ gia đình đi thành phố tìm việc làm và ly thân với ông Ph từ năm

1993. Đến năm 2001 thì ông Ph và con lên nhà trọ tìm và sống chung cùng nhà trọ. Để bổ sung giấy tờ cho con nhập học và làm thủ tục xin tạm trú, tạm vắng nên về quê làm giấy đăng ký kết hôn vào năm 2008, chỉ mang danh nghĩa vợ chồng ở cùng nhà trọ nhưng tình cảm vợ chồng không còn từ năm 1993. Nay con đã lớn nên bà Txin ly hôn với ông Ph.

Con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc D, sinh ngày 15/12/1985 đã thành niên, có khả năng lao động được và có gia đình riêng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Txin vắng mặt tại phiên tòa. Ông Ph vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Tcho rằng bà và ông Ph chung sống không hòa hợp, không còn tình cảm đã ly thân từ năm 1993 đến nay. Hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Ph là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc D, sinh ngày 15/12/1985 đã thành niên, có khả năng lao động được và có gia đình riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Ph có hộ khẩu thường trú tại thị trấn CD, huyện CP. Chị Thúy An khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn bà Txin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Ph đã được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: bà T và ông Ph chung sống với nhau vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD năm 2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống đến năm 1993 thì bà T và ông Ph phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên bà T bỏ đi thành phố từ năm 1993 vợ chồng ly thân từ đó, đến năm 2001 thì ông Ph và con lên tìm và sống chung nhà trọ, để làm thủ tục cho con học và đăng ký tạm trú nên ông bà mới đăng ký kết hôn vào năm 2008. Quá trình giải quyết vụ án, bà T kiên quyết xin ly hôn với ông Ph. Tòa án đã triệu tập ông Ph để tiến hành hòa giải nhưng ông Ph không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy ông Ph không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: bà T và ông Ph chung sống có 01 con chung tên Lê Quốc D, sinh ngày 15/12/1985 đã thành niên, có khả năng lao động được và có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Di Thị Mỹ T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Di Thị Mỹ T.

Về hôn nhân: Bà Di Thị Mỹ T được ly hôn với ông Lê Thành Ph.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 ngày 12/02/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn CD, huyện CP không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Lê Quốc D, sinh ngày 15/12/1985 đã thành niên, có khả năng lao động được và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Di Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005211 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND thị trấn CD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ